

Chương X. ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP

Bài 39

VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Nắm được vai trò và đặc điểm của nông nghiệp.
- Hiểu được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và kinh tế – xã hội tới phát triển và phân bố nông nghiệp.

2. Về kĩ năng

Biết phân tích và nhận xét những đặc điểm phát triển, những thuận lợi và khó khăn của các điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội ở một địa phương đối với phát triển và phân bố nông nghiệp.

3. Về thái độ, hành vi

HS có ý thức tham gia tích cực và ủng hộ những chính sách phát triển nông nghiệp ở địa phương.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Một số hình ảnh minh họa về các vùng nông nghiệp điển hình, về sử dụng tiến bộ khoa học – kĩ thuật trong nông nghiệp.
- Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức trong bài.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Những kiến thức trọng tâm

- Vai trò quan trọng của nông nghiệp.

– Đặc điểm quan trọng của sản xuất nông nghiệp : đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu, còn cây trồng và vật nuôi là đối tượng lao động.

– Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên là tiền đề cơ bản. Các nhân tố kinh tế – xã hội, nhất là thị trường và tiến bộ khoa học – kĩ thuật trong nông nghiệp có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

1.1. Vai trò và đặc điểm của nông nghiệp

a) Vai trò

– Trước hết GV cần nhấn mạnh vai trò cực kì quan trọng của nông nghiệp trong giai đoạn đầu của lịch sử phát triển loài người. Sự phát triển dân số thế giới bước đầu có sự ổn định từ khi loài người biết trồng trọt và tạo được cơ sở lương thực, thực phẩm. Tất cả các nền văn minh cổ đại đều là các nền văn minh nông nghiệp.

– Lưu ý thêm đến vai trò của nông nghiệp ở các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Hoạt động nông nghiệp liên quan đến việc làm, thu nhập và đời sống của đa số dân cư, gắn liền với phần lớn lãnh thổ quốc gia, vì thế phát triển nông nghiệp có vai trò quan trọng đặc biệt đối với sự ổn định kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước.

– Hiện nay trên 40% số lao động thế giới (các nước phát triển < 10%, các nước đang phát triển từ 30 đến 70%, thậm chí có quốc gia như Ap-ga-ni-xtan 74%) tham gia hoạt động nông nghiệp và tạo ra 4% GDP của toàn cầu (các nước phát triển 2%, các nước đang phát triển 27%, có những nước tới > 50% như Ê-ti-ô-pi, CH Trung Phi, An-ba-ni...).

Ở Việt Nam có 58% lao động trong ngành nông nghiệp và chiếm 22% trong GDP cả nước (năm 2004).

b) Đặc điểm

– Trong SGK có trình bày nhiều đặc điểm, GV tập trung vào những đặc điểm cốt lõi : *đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu, các cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động.*

+ *Về tư liệu sản xuất – đất đai* : GV nhấn mạnh đây là đặc điểm quan trọng để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp. Không thể có sản xuất nông nghiệp nếu không có đất đai. Quy mô và phương hướng sản xuất, mức độ thâm canh và tổ chức lãnh thổ phụ thuộc nhiều vào đất đai. Trong quá trình sử dụng, nếu con người biết sử dụng hợp lí, biết duy trì và nâng cao độ phì trong đất, thì sẽ sử dụng đất đai được lâu dài và tốt hơn. Tất nhiên

việc duy trì, nâng cao độ phì trong đất phụ thuộc vào nhiều yếu tố như đầu tư vốn, lao động, phương tiện sản xuất hiện đại, áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học – kĩ thuật và kinh nghiệm sản xuất tiên tiến.

- + Trong lịch sử phát triển nông nghiệp có hai hình thức sử dụng đất là quảng canh và thâm canh. *Quảng canh* là biện pháp tăng sản lượng nông nghiệp chủ yếu do mở rộng diện tích đất trồng trọt, đặc trưng của nền nông nghiệp ở trình độ thấp, mức độ sử dụng máy móc, phân bón, thuốc trừ sâu... trên một đơn vị diện tích rất thấp. Hình thức quảng canh phổ biến ở những nơi đất nông nghiệp còn nhiều, bình quân đất nông nghiệp trên đầu người còn lớn. *Thâm canh* là biện pháp tăng sản lượng nông nghiệp do tăng năng suất cây trồng và sức sản xuất của vật nuôi, đặc trưng của nền nông nghiệp tiên tiến hiện đại. Nền nông nghiệp thâm canh áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học – kĩ thuật trong nông nghiệp, như máy móc, tưới tiêu khoa học, lai tạo giống, phân bón, thuốc trừ sâu... Hình thức thâm canh phổ biến ở những nơi bị hạn chế về diện tích đất canh tác, ít có khả năng khai hoang, mở rộng diện tích, bình quân đất nông nghiệp trên đầu người thấp.
- + *Về đối tượng của sản xuất nông nghiệp* – đó là các cây trồng, vật nuôi. Quá trình phát triển của sinh vật tuân theo các quy luật sinh học. Ví dụ như hạt thóc nảy mầm, sinh trưởng, phát triển, tạo bông lúa, hình thành nên hạt lúa giống mới. Hay quá trình mang thai, sinh đẻ, lớn lên, trưởng thành của vật nuôi. Đồng thời quá trình phát triển của sinh vật còn chịu tác động rất lớn của quy luật tự nhiên (thời tiết, khí hậu, môi trường...). Các quy luật sinh học và quy luật tự nhiên tồn tại độc lập với ý muốn chủ quan của con người.
- + *Tính mùa vụ của sản xuất nông nghiệp* là đặc điểm điển hình, nhất là đối với trồng trọt. Thời gian sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi tương đối dài, không giống nhau và thông qua hàng loạt giai đoạn kế tiếp nhau.

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp

a) *Để giải thích và chứng minh* điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên là tiền đề cơ bản để phát triển và phân bố nông nghiệp, GV có thể tham khảo cuốn *Địa lí cây trồng* của Nguyễn Phi Hạnh và Đặng Ngọc Lân, NXB Giáo dục, Hà Nội. 1980, phóng to lược đồ các đới trồng trọt chính trên thế giới (trang 24) và chỉ ra :

- + Sự phân đới nông nghiệp trên thế giới phụ thuộc vào sự phân đới tự nhiên, sự tồn tại của các nền nông nghiệp đặc trưng cho từng đới tự nhiên.

- + Tính mùa vụ trong sản xuất thể hiện trong sử dụng lao động và các nguồn lực khác, trong việc bán các sản phẩm nông nghiệp.
- + Tính bất bình không ổn định của nông nghiệp là do những tai biến thiên nhiên và thời tiết khắc nghiệt. GV nhấn mạnh lí do phụ thuộc của sản xuất nông nghiệp vào điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên liên quan đến đặc điểm đặc thù – đối tượng lao động là cây trồng, vật nuôi. Mỗi loại cây trồng và vật nuôi chỉ có thể sinh trưởng và phát triển trong những điều kiện nhất định của tự nhiên.

– Đi sâu phân tích tài nguyên đất, GV cần cho HS thấy được không có đất thì không có sản xuất nông nghiệp vì đất đai được sử dụng để trồng trọt và chăn nuôi. Năng suất cây trồng, việc sản xuất các loại sản phẩm nông nghiệp khác nhau phụ thuộc vào chất lượng đất, những vùng đất phì nhiêu, màu mỡ thường là những vùng nông nghiệp trù phú. Chẳng hạn như các vùng đất secnoziom trồng lúa mì, hay châu thổ sông Hồng, sông Mê Công là những vựa lúa gạo.

– Khí hậu và nguồn nước với các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa, ánh sáng, độ ẩm, gió, bão, lũ lụt, nguồn nước trên mặt và nước ngầm... có ảnh hưởng rất lớn tới việc xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi và thời vụ.

Ví dụ : cây lúa nước ưa khí hậu nóng, ẩm, nhiệt độ trung bình tháng từ 20°C đến 30°C. Nhiệt độ thấp nhất vào đầu thời kì sinh trưởng không xuống dưới 12°C. Trong quá trình sinh trưởng cây lúa nước cần có nước ngập chân.

b) Về các nhân tố kinh tế – xã hội, GV nên đưa ra những ví dụ cụ thể để chứng minh sự ảnh hưởng của một số nhân tố tới phân bố nông nghiệp.

– Các cây trồng vật nuôi cần nhiều công chăm sóc (như lúa gạo) phải phân bố ở những nơi có nhiều lao động. Tập quán ăn uống của các dân tộc cũng có ảnh hưởng không nhỏ. Chẳng hạn chăn nuôi lợn ở các nước Nam Á và Trung Đông không phát triển, thậm chí không có như ở Băng-la-đet và Pa-kit-xtan, do các quốc gia Hồi Giáo không ăn thịt lợn. Ở Ấn Độ, một quốc gia có nhiều dân tộc và tôn giáo, tập quán ăn uống của các dân tộc và tôn giáo khác nhau ảnh hưởng lớn đến chăn nuôi lợn và bò.

– GV liên hệ với thực tế Việt Nam và địa phương để thấy được ảnh hưởng của các quan hệ sở hữu ruộng đất tới con đường phát triển nông nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, như chính sách khoán 10 từ năm 1988, chính sách giao đất giao rừng cho các hộ nông dân đã thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển mạnh mẽ.

– Về tiến bộ khoa học – kĩ thuật trong nông nghiệp, GV nên tập trung trình bày việc tạo ra các giống mới có năng suất cao, thời gian sinh trưởng ngắn, thích hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng. Ví dụ giống ngô lai F1 đã đưa năng suất bình quân từ 2,2 – 2,5 tấn/ha lên tới 8 tấn/ ha, có nơi tới 14 – 22 tấn/ ha.

GV nói thêm về vai trò của công nghệ sinh học, bằng cách lai giống, biến đổi gen, cấy mô... đã tạo ra được các giống cây, giống con mới có năng suất cao, kháng được dịch bệnh. Bằng kĩ thuật ghép gen, Hoa Kì đã tạo ra giống cà chua chín sớm, tươi lâu, thịt mềm, nhiều nước, quả đẹp, giữ được mùi thơm, hay giống dâu có quả to như quả lê...

2. Phương pháp dạy học

- Đàm thoại gợi mở.
- Sơ đồ hoá các kiến thức cơ bản.

IV – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở bài

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất xuất hiện sớm nhất trong lịch sử loài người với đặc điểm cơ bản là lấy đất đai làm tư liệu sản xuất, còn các cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động. Việc phát triển và phân bố nông nghiệp dựa trên tiền đề cơ bản là điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, nhưng ảnh hưởng quan trọng và ngày càng mạnh là các nhân tố kinh tế – xã hội.

2. Tổ chức dạy học

a) Gợi ý dạy mục I : Vai trò và đặc điểm của nông nghiệp

– GV đưa ra các câu hỏi gợi ý để HS liên hệ với thực tế ở địa phương, chứng minh các vai trò của sản xuất nông nghiệp.

– Về đặc điểm của sản xuất nông nghiệp, nên tập trung vào đặc điểm a và b, các đặc điểm còn lại, nếu là HS vùng nông thôn chỉ cần nêu tên đặc điểm.

b) Gợi ý dạy mục II : Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp

– Có hiệu quả nhất là GV xây dựng sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp, kết hợp với việc đặt câu hỏi gợi ý để HS đưa ra ví dụ chứng minh cho từng nhân tố.